

Bản án số: **05/2021/HS-ST**  
Ngày 24 tháng 02 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Khanh
2. Bà Lê Thị Diễm Huyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thị Đào-Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2021/TLST-HS, ngày 27 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 02 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Văn K**; Sinh năm 1987;

Nơi cư trú: ấp P, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 7/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị A;

Có vợ tên Đỗ Thị Hồng Đ và 02 người con;

Tiền án: 01 lần bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử về tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng” vào ngày 20/6/2019, xử phạt 01 năm 06 tháng tù, chưa được xóa án tích;

Tiền sự: Không. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể là đã có 02 lần bị đưa vào Cơ sở giáo dục, về cùng hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, theo các Quyết định số 1750/QĐHC-CTUBND, ngày 09/11/2006 và Quyết định số 1156/QĐ-UB, ngày 03/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (đã chấp hành xong); 01 lần bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang xét xử về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Bản án số 02/2021/HS-ST, ngày 11/01/2021, án chưa có hiệu lực do bị cáo đang kháng cáo chờ xử phúc thẩm.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 14/7/2020 đến ngày 17/7/2020 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Võ Tuấn H**, Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

*Bị hại:*

1. Bà **Đỗ Thị Lệ T**, trú tại Ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)
2. Ông **Nguyễn Văn H1**, trú tại ấp P, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)
3. Ông **Phạm Văn N1**, trú tại ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)
4. Ông **Lê Chí H2**, trú tại ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà **Lâm Thị T1**, trú tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

*Người tham gia tố tụng khác:*

1. Bà **Nguyễn Thị A**, trú tại ấp P, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (có mặt)
2. Ông **Nguyễn Văn N1**, trú tại ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)
3. Ông **Nguyễn Thành L**, trú tại ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)
4. Bà **Nguyễn Thúy L1**, trú tại ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)
5. Ông **Đỗ Văn H3**, trú tại ấp L, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (có mặt)
6. Bà **Võ Thị N2**, trú tại ấp L, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)
7. Ông **Võ Văn T1**, trú tại ấp L, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)
8. Ông **Nguyễn Văn K1**, trú tại Ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)
9. Ông **Nguyễn Văn L2**, trú tại ấp P, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)
10. Ông **Nguyễn Văn K2**, trú tại ấp P, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)
11. Bà **Nguyễn Thị Đ1**, trú tại ấp P, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)
12. Ông **Trần Văn P**, trú tại ấp P, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)

13. Ông **Huỳnh Hoàng Đ2**, trú tại ấp A, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)

14. Bà **Phạm Thị H4**, trú tại ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người chứng kiến (vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn K, sinh năm 1987, ngụ ấp P, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là đối tượng có tiền án tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng” chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành án trở về địa phương sinh sống, K không sửa đổi bản thân mà tiếp tục thực hiện liên tiếp nhiều hành vi phạm tội sau đây:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 29/5/2020 Nguyễn Văn K nhờ bạn là Nguyễn Văn N1 chở bằng xe mô tô (không rõ biển số) đến nhà ông Đỗ Văn H3 (là cha vợ của K), sinh năm 1954, ngụ ấp L, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng để tìm vợ tên Đ, lúc đến nhà ông H3, K chửi thề và nói “*vợ tao đâu rồi, không ai đưa vợ tao ra tao chém chết mẹ hết*”, vừa nói K vừa cầm lấy một vỏ chai bia bằng thủy tinh (loại chai bia hiệu Sagota) đập vào lan can hàng rào nhà ông H3 làm chai bia bị vỡ phần đáy chai, K cầm phần cổ chai bia còn lại đi vào trong nhà ông H3, lúc này những người ở trong nhà ông H3 bỏ đi ra phía sau nhà. Tiếp theo, K đi vào trong nhà bếp lấy một cây dao (loại dao Thái Lan) cầm trên tay và tiếp tục chửi lớn tiếng, sau đó K tiếp tục đi vào trong phòng ngủ lấy 01 (một) cái giỏ xách màu hồng bên trong giỏ xách có số tiền 3.000.000đ (theo bị hại khai), 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá “TWO DOLLARS” Mỹ, 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá “1.000 WON” Korea, 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Lệ T, 01 giấy bảo hiểm y tế mang tên Đỗ Thị Lệ T và 01 cái áo khoác dùng để quần giỏ xách lại rồi đi ra ngoài lộ đá trước nhà ông H3 để N1 chở K đi về hướng ấp P, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 06 giờ, ngày 23/6/2020, Nguyễn Văn K đi bộ từ nhà đến quán cà phê của bà Nguyễn Thị Đ1 ngụ cùng ấp thì gặp Nguyễn Văn H1, sinh năm 1994, ngụ ấp P, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng đang ngồi uống nước tại quán và đậu xe mô tô biển kiểm soát 83C1-172.XX cặp quán cà phê của bà Đ1, K đến ngồi uống nước cùng bàn với H1. Khoảng 30 phút sau, H1 đi bộ vào nhà H1 thay quần, áo để đi công việc ở Vĩnh Long. Lúc này, K thấy H1 đi vào nhà nên K đi đến chỗ xe mô tô H1 đang đậu, K lên xe mô tô của H1 ngồi và dùng chìa khóa có sẵn đang treo trên thắt lưng quần của K để mở khóa xe rồi nổ máy chạy đi. Khi H1 quay lại quán của bà Đ1 để lấy xe đi Vĩnh Long thì phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 83C1-172.XX của mình đã bị mất, H1 đi tìm K để lấy lại xe nhưng không gặp nên H1 đến Công an xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng trình báo vụ việc.

Lần thứ ba: Vào khoảng 12 giờ 15 phút ngày 06/7/2020, ông Phạm Văn N1, sinh năm 1992, ngụ ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83C1-486.XX đến nhà ông Huỳnh Hoàng Đ2 thuộc ấp A, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng để trả cây đèn pin. Khi đến nhà Đ2, N1 đậu xe trước sân nhà Đ2

và đứng nói chuyện với Đ2 thì nhìn thấy Nguyễn Văn K cũng đi bộ lại nhà của Đ2 nên N1 và Đ2 hỏi K: “*Đi đâu vậy?*” nhưng K không trả lời. Sau đó, N1 mới mở cốp xe mô tô biển kiểm soát 83C1-486.XX lấy đèn pin đi đến chỗ Đ2 đang đứng trước cửa nhà để trả cho Đ2. Lúc này, K thấy xe mô tô biển kiểm soát 83C1-486.XX vẫn còn để chìa khóa xe trên ổ khóa ở cốp yên xe, nên K rút lấy chìa khóa mở khóa xe và lên xe mô tô biển kiểm soát 83C1-486.XX khởi động xe nổ máy, N1 mới hỏi K là đi đâu để N1 chở nhưng K không trả lời mà điều khiển xe chạy đi, N1 chạy bộ theo phía sau và kêu K nhưng K vẫn không trả lời mà điều khiển xe chạy đi. Đến 8 giờ 30 phút ngày 07/7/2020 N1 đến Công an xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng trình báo vụ việc.

Lần thứ tư: Vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 13/7/2020, ông Lê Chí H2, sinh năm 1990, ngụ ấp C, xã X điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68C1-571.XX đến quán của ông Nguyễn Thành L ngụ cùng ấp để mua bia. Khi đến trước cửa quán của L, H2 thấy L đứng trong quán nên H2 kêu L bán thùng bia, H2 đang quay đầu xe lại để chở bia về. Lúc này, Nguyễn Văn K đang ngồi trên băng ghế đá trước quán của L nhìn thấy H2 đang quay đầu xe, K cầm cây dao yếm sẵn trên tay phải đứng lên chỉ về hướng H2 chửi thề và nói: “*Ê mày nhìn cái gì, tao chém mày chết mẹ*”, đồng thời K cầm cây dao yếm đi về phía H2, H2 thấy vậy bỏ chạy và để lại xe trên lộ trước quán của L; khi H2 chạy đến dốc cầu Nghĩa trang để lên cầu qua sông thì K có chạy theo một đoạn, đến dốc cầu thì dừng lại và quay trở vào quán của L đứng. L thấy H2 bỏ lại xe mô tô vẫn còn chìa khóa trên xe nên L mang thùng bia để lên xe của H2 và lái xe của H2 đến gần dốc cầu cạnh quán, sau đó L dừng lại và đi vào quán để đổi lấy thùng bia khác và định chạy xe của H2 đi qua cầu Nghĩa Trang cho H2. Nhưng L chưa kịp để thùng bia lên xe thì lúc này K đến lấy xe của H2 và để cây dao yếm chỗ бага xe rồi lên xe nổ máy chạy đi, L la lên “*Ê xe của người ta, mày làm gì vậy*”, K quay lại nói “*Ông la một hồi tôi lại đốt nhà ông*”, rồi K điều khiển xe biển kiểm soát 68C1-571.XX chạy qua cầu Nghĩa trang và tiếp tục đi về hướng thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; thấy vậy L điện thoại báo Công an xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Công an xã X kết hợp với Công an thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng truy đuổi K đến khu vực P, phường T, quận R, thành phố Cần Thơ thì bắt giữ được K.

Đối với những người bị hại là bà Đỗ Thị Lệ T, ông Nguyễn Văn H1, Phạm Văn N1 và Lê Chí H2, sau khi bị mất tài sản đã đến Công an xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng trình báo. Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

+ Tại bản kết luận số 3191 ngày 26/6/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tờ tiền mệnh giá “TWO DOLLARS” số seri D09519215A; tờ tiền mệnh giá “1.000 Won”, số seri ED3418637D là tiền thật.

+ Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 08/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 01 tờ ngoại tệ mệnh giá “TWO DOLLARS” Mỹ x 23.270 đồng = 46.540 đồng; 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá “1.000 WON” Korea x 20.270 đồng = 20.270 đồng. Tài sản bị xâm hại thu được qua định giá là: 66.810 đồng (tài sản của bà T).

+ Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15 ngày 15/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu trắng-đen-bạc, biển kiểm soát 83C1-486.XX, số khung 3905HY79316, số máy JA39E0777471, còn giá trị 85% thành tiền 15.130.000 đồng (tài sản của ông N1).

+ Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20 ngày 27/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu xanh, biển kiểm soát 83C1-172.XX, số khung 09063Y337856, số máy HC09E0338042, còn giá trị 40%, thành tiền 5.480.000đ (tài sản của ông H1).

+ Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25 ngày 03/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AIR BLADE, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 68C1-571.XX, số khung 6311KZ055923, số máy JF63E2685639; còn giá trị 95%, thành tiền 36.100.000đ (tài sản của ông H2).

Trên cơ sở kết quả điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ thu được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn K về tội Trộm cắp tài sản, Công nhiên chiếm đoạt tài sản và Cướp tài sản. Sau đó nhập vụ án thành vụ: Trộm cắp tài sản, Công nhiên chiếm đoạt tài sản và Cướp tài sản; áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 14/7/2020 đến ngày 17/7/2020 chuyển tạm giam cho đến nay.

Cơ quan Điều tra và Viện Kiểm sát xác định giá trị tài sản mà Nguyễn Văn K trộm cắp của bà Đỗ Thị Lệ T là 3.066.810 đồng, trộm cắp của ông Nguyễn Văn H1 là 5.480.000 đồng; giá trị tài sản mà K công nhiên chiếm đoạt của ông Phạm Văn N1 là 15.130.000 đồng và giá trị tài sản mà K cướp của ông Lê Chí H2 là 36.100.000 đồng.

Cáo trạng số 25/CT-VKSND-HKS, ngày 26/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách nhận định các hành vi phạm tội nêu trên của Nguyễn Văn K thuộc trường hợp sử dụng phương tiện nguy hiểm khác để cướp tài sản nên phạm vào tội “Cướp tài sản”; 02 lần lén lút lấy tài sản của người khác có tổng giá trị là 8.546.810 đồng nên phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” và Công khai chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị là 15.130.000đ nên phạm vào tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”, và quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kế Sách để xét xử Nguyễn Văn K về các tội:

- Cướp tài sản, theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự;
- Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;
- Công nhiên chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 21/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn K và Hội đồng xét xử đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung (Quyết định số 01/2021/HSST-QĐ, ngày 21/01/2021) yêu cầu làm rõ các yếu tố cấu thành tội phạm, tuy nhiên ngay sau đó Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách có văn bản hoàn lại hồ sơ vụ án để Tòa án tiếp tục xét xử

(Văn bản số 15/VKS-H.KS, ngày 27/01/2021) theo Cáo trạng mà Viện Kiểm sát đã ban hành.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản Cáo trạng số 25/CT-VKS-H.KS, ngày 26/11/2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về các tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự; đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, động cơ phạm tội của bị cáo, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 172, các Điều 38, 55, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn K, xử phạt bị cáo với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo K phải chấp hành hình phạt chung của ba tội từ 10 năm 06 tháng đến 13 năm tù. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo trả cho bị hại bà Đỗ Thị Lệ T số tiền 1.554.000 đồng. Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo là đã thấy được việc làm của mình khi thực hiện các hành vi đã được phân tích tại phiên tòa là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại bà Đỗ Thị Lệ T, ông Nguyễn Văn H1, ông Lê Chí H2; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị T1, vắng mặt một số người làm chứng, chứng kiến, nhưng xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo và những người có mặt đều không yêu cầu hoãn phiên tòa, nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kế Sách, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và đương sự trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét về từng hành vi phạm tội của bị cáo theo Cáo trạng truy tố đối với tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ các hành vi phạm tội của mình, phù hợp với tài liệu, chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án; cụ thể là bị cáo thừa nhận có các hành vi: Lén lút lấy trộm tài sản (tiền) của bà Đỗ Thị Lệ T vào ngày 29/5/2020; lén lút lấy trộm tài sản (xe mô tô) của ông Nguyễn Văn H1 vào ngày 23/6/2020; hành vi công khai chiếm đoạt tài sản (xe mô tô) của ông Phạm Văn N1 vào ngày 06/7/2020. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương. Vì vậy, việc Viện Kiểm sát truy tố ra trước Tòa án để xét xử bị cáo Nguyễn Văn K về các tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

*“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm*

*b) Đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội được quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

*c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

*d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;*

*đ) Tài sản là di vật, cổ vật”.*

[5] Khoản 1 Điều 172 của Bộ luật Hình sự quy định:

*“Người nào công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*

*b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 173, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

*c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

*d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”.*

[6] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo theo Cáo trạng truy tố đối với tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự: Tại tòa, bị cáo khai nhận có cầm dao rượt đuổi anh H2, sau đó có lấy tài sản là xe mô tô vào ngày 13/7/2020, tuy nhiên bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không đồng tình với việc Viện Kiểm sát truy tố về tội “Cướp tài sản”, vì cho rằng sau khi bị

cáo rượt đuổi anh H2 bỏ chạy thì bị cáo quay lại và đi trở lại vào quán anh L, khi đó việc rượt đuổi đã kết thúc, việc dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực của bị cáo cũng đã kết thúc nhưng lúc này bị cáo chưa thực hiện ngay việc lấy tài sản; đến khi anh L là chủ quán bán bia để thùng bia lên xe của anh H2 và lái xe chạy đi một đoạn đến dốc cầu gần đó đậu lại để anh L xuống xe đi vào quán đổi thùng bia khác thì bị cáo lợi dụng sơ hở để nhanh chóng chiếm lấy xe. Xét thấy, sau khi đối chiếu xem đoạn video clip được trích xuất dữ liệu từ camera ở quán anh L, cho thấy tài sản (xe mô tô) của anh H2 lúc này đã được anh L lấy quản lý, khi bị cáo ngồi lên xe và nổ máy chạy đi thì anh L không có hành vi ngăn cản mặc dù anh L cũng đã vừa đi đến và có đủ điều kiện ngăn cản. Trong trường hợp này nếu anh L có thể hiện việc ngăn cản mà bị cáo cố tình chống đối, hoặc có hành vi dùng vũ lực, hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc, hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì mới có thể xác định là tội “Cướp tài sản”. Nhưng hành vi của bị cáo ở đây là có thủ đoạn lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản là anh L, rồi nhanh chóng tiếp cận, nhanh chóng chiếm đoạt và nhanh chóng tẩu thoát, đây là hành vi công khai chiếm đoạt tài sản một cách nhanh chóng. Do đó, mặc dù bị cáo thừa nhận tất cả diễn biến nội dung sự việc nhưng xét thấy hành vi của bị cáo chưa thỏa mãn cấu thành tội “Cướp tài sản”, nên Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và xét xử bị cáo về tội danh trên là phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người nào cướp giật tài sản của người khác thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”.

[8] Xét thấy bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, việc công khai chiếm đoạt tài sản của người khác và việc lợi dụng sơ hở để nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của người khác, là vi phạm pháp luật, nhưng vì chỉ muốn hưởng thụ thành quả lao động của người khác và xem thường sự trừng phạt của pháp luật, nên bị cáo đã thực hiện các hành vi phạm tội nêu trên. Hội đồng xét xử cần thiết phải áp dụng một hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội sau này và đồng thời cũng răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” đối với cả 03 tội “Trộm cắp tài sản”, “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và “Cướp giật tài sản” theo điểm h khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự; riêng đối với tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo phạm tội 02 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đối với các lần phạm tội của bị cáo xâm phạm về quan hệ sở hữu tài sản nhưng tài



sản đã được thu hồi trả lại chủ sở hữu và theo đề nghị của người bào chữa cần áp dụng thêm tình tiết “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận, để giảm một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Đỗ Thị Lệ T yêu cầu bị cáo trả số tiền 3.000.000 đồng bị mất do bị cáo lấy trộm túi xách bên trong có một số tài sản, ngoài những tài sản đã được cơ quan điều tra thu giữ được, còn có số tiền 3.000.000 đồng của bà T mà bị cáo đã tiêu xài cá nhân. Bị cáo thừa nhận có sử dụng, tiêu xài tiền trong túi xách mà bị cáo đã lấy trộm của bà T, nhưng bị cáo không xác định được số tiền mà bị cáo tiêu xài là bao nhiêu; qua lời khai của bị cáo cho biết bị cáo tiêu xài số tiền lấy trộm trong 07 ngày, mỗi ngày đều có mua ma túy để sử dụng số tiền 200.000 đồng/ngày, mua thuốc lá mỗi ngày 01 gói JET 22.000 đồng/gói/ngày, được tính thành tiền là 1.554.000 đồng, còn lại 466.000 đồng và 02 tờ ngoại tệ được định giá thành tiền là 66.810 đồng đã bị thu giữ trên người bị cáo, như vậy đã có cơ sở xác định được bị cáo lấy trộm tài sản của bị hại bà Đỗ Thị Lệ T có tổng giá trị là 2.086.810 đồng, đến thời điểm bị bắt bị cáo đã tiêu xài 1.554.000 đồng; còn bị hại khai báo bị mất số tiền lên tới 3.000.000 đồng vào ngày 29/5/2020 nhưng không chứng minh được một cách cụ thể rõ ràng và chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của bị cáo về số tiền mà bị cáo đã thừa nhận có tiêu xài để xét xử và buộc bị cáo trả lại cho bà Đỗ Thị Lệ T.

Đối với các bị hại ông Nguyễn Văn H1, ông Phạm Văn N1 và ông Lê Chí H2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự của bị cáo, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Xử lý vật chứng:

- Đối với Tiền ngoại tệ (01 tờ tiền 2 Dolars Mỹ và 01 tờ tiền 1.000 Won Hàn Quốc) và 466.000 đồng thu giữ trên người bị cáo, 01 túi xách nữ (màu hồng) và 01 áo khoác nữ (màu tím), được xác định là của bị hại bà Đỗ Thị Lệ T, nên cần trả lại cho chủ sở hữu là bà T, theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 cái bóp nữ (loại cầm tay, màu đỏ, có dây kéo bằng kim loại màu vàng), 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 68C1-571.XX (bản chứng thực) và số tiền 460.000 đồng thu giữ trong cốp xe biển kiểm soát 68C1-571.XX, được xác định là của bị hại ông Lê Chí H2, nên cần trả lại cho chủ sở hữu là ông H2, theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 cây dao (loại dao yếm), tổng chiều dài 36cm, cán dao bằng gỗ dài 15cm và đường kính 13cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 21cm, nơi rộng nhất 05cm, lưỡi dao sắc bén, mũi dao nhọn; căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu và tiêu hủy.

- Ngoài ra, trong quá trình thụ lý vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã xử lý trả lại tài sản cho chủ sở hữu gồm: 01 Giấy Chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Lệ T; 01 Thẻ bảo hiểm y tế mang tên Đỗ Thị Lệ T; 01

xe mô tô biển kiểm soát 83C1-172.XX; 01 xe mô tô biển kiểm soát 83C1-486.XX; 01 xe mô tô biển kiểm soát 68C1-571.XX, là phù hợp quy định của pháp luật.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần trách nhiệm dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng bị cáo thuộc trường hợp “cá nhân thuộc hộ nghèo” và tại phiên tòa, bị cáo có nộp đơn yêu cầu miễn án phí, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn K, phạm các tội “Trộm cắp tài sản”, “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 172, khoản 1 Điều 171, Điều 38, điểm s, h khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự đối với cả 03 tội nêu trên và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 02 (Hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Văn K phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 14 tháng 7 năm 2020).

**2.** Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn K trả số tiền 1.554.000 đồng cho bà Đỗ Thị Lệ T.

Khi án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**3.** Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 27/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, được xử lý như sau:

- Tịch thu và tiêu hủy 01 cây dao (loại dao yếm), tổng chiều dài 36cm, cán dao bằng gỗ dài 15cm và đường kính 13cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 21cm, nơi rộng nhất 05cm, lưỡi dao sắc bén, mũi dao nhọn;

- Trả lại 01 túi xách nữ (màu hồng), 01 áo khoác nữ (màu tím), Tiền ngoại tệ (01 tờ tiền 2 Dollars Mỹ và 01 tờ tiền 1.000 Won Hàn Quốc) và số tiền 466.000 đồng cho bà Đỗ Thị Lệ T;

- Trả lại 01 cái bóp nữ (loại cầm tay, màu đỏ, có dây kéo bằng kim loại màu vàng), 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 68C1-571.XX (bản chứng thực) và số tiền 460.000 đồng cho ông Lê Chí H2.

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Văn K.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ đối với người vắng mặt, theo quy định tại các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo và đương sự trong vụ án
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Công an huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Diệu**